TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH L

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 81/2019/DS-ST
Ngày: 19/11/2019
V/v tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh L.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Khánh H.

2. Ông Lê Văn N.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Chánh Nh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện M.

Trong ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 172/2019/TLST – DS ngày 03 tháng 9 năm 2019 về việc "tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2019/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1956; Địa chỉ: Ấp Mương Khai, xã Tân Th, huyện M, tỉnh L.

Bị đơn:

1. Ông Bùi Thanh H, sinh năm 1976;

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Th, sinh năm 1983;

Cùng địa chỉ: Ấp Mương Khai, xã Tân Th, huyện M, tỉnh L.

Bà B vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; ông H và bà Th vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B: Bà Nguyễn Thị B yêu cầu ông Bùi Thanh H và bà Nguyễn Thị Lệ Th phải liên đới trả cho bà B số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ là 99.600.000 đồng, không yêu cầu tính lãi; yêu cầu phải trả một lần.

Đề nghị của ông Bùi Thanh H và bà Nguyễn Thị Lệ Th: Ông Bùi Thanh H và bà Nguyễn Thị Lệ Th vắng mặt, không có ý kiến.

Các tài liệu, chứng cứ do bà Nguyễn Thị B cung cấp: 01 CMND và sổ hộ khẩu (bản phô tô), đơn xin xác nhận nơi cư trú (bản chính), chứng từ mua bán ngày 18/6/2019; một bản tự khai.

Các tài liệu, chứng cứ do ông Bùi Thanh H và bà Nguyễn Thị Lệ Th cung cấp: Không.

Các tình tiết của vụ án:

Các tình tiết bà Nguyễn Thị B trình bày: Vào năm 2018, vợ chồng ông Bùi Thanh H và bà Nguyễn Thị Lệ Th có mua phân thuốc của bà B nhiều lần còn thiếu lại số tiền 99.600.000 đồng, hẹn đến ngày 30/6/2019 âm lịch trả hết. Nay đã qua hạn trả mà ông Bùi Thanh H và bà Nguyễn Thị Lệ Th không trả, ông H và bà Th mua phân thuốc sản xuất nông nghiệp phục vụ kinh tế cho gia đình, bà Th không ký trong biên nhận nợ nhưng bà Th và ông H là vợ chồng nên bà B khởi kiện yêu cầu ông Bùi Thanh H và bà Nguyễn Thị Lệ Th có nghĩa vụ liên đới trả cho bà B số tiền 99.600.000đ, trả một lần, không yêu cầu tính lãi. Về án phí thì yêu cầu ông H, bà Th phải chịu. Bà B đề nghị không công khai bản án trên cổng thông tin điện tử tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật là "Hợp đồng mua bán tài sản" được quy định tại Bộ luật dân sự. Ông Bùi Thanh H và bà Nguyễn Thị Lệ Th có địa chỉ tại xã Tân Th, huyện M, tỉnh L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về việc giải quyết vắng mặt bà Nguyễn Thị B; ông Bùi Thanh H và bà Nguyễn Thị Lệ Th: Bà Nguyễn Thị B có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; ông Bùi Thanh H và bà Nguyễn Thị Lệ Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần theo quy định của pháp luật nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà B, ông H và bà Th.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B đối với số nợ gốc:

Bà Nguyễn Thị B khởi kiện và cung cấp chứng cứ là giấy xác nhận nợ ngày 18/6/2019; ông Bùi Thanh H và bà Nguyễn Thị Lệ Th vắng mặt và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cũng không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của bà B nên Tòa án căn cứ vào lời trình bày và tài liệu, chứng cứ của bà B cung cấp để giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Theo nội dung giấy xác nhận nợ ngày 18/6/2019 thì ông H và bà Th có mua vật tư nông nghiệp của bà B với tổng số tiền là 99.600.000 đồng nên căn cứ vào Điều 92 và Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B đối với ông H và bà Th, buộc ông H và bà Th có nghĩa vụ trả bà B số tiền nợ gốc là 99.600.000 đồng.

[4]. Về thời gian trả và cách thức trả: Bà B yêu cầu trả một lần, ông H và bà Th vắng mặt nên xem như các đương sự không thỏa thuận được, vấn đề này thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan Thi hành án dân sự nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5]. Về án phí: Ông Bùi Thanh H và bà Nguyễn Thị Lệ Th phải chịu số tiền 4.980.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Bà Nguyễn Thị B không phải chịu án phí nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản của bà Nguyễn Thị B đối với ông Bùi Thanh H và bà Nguyễn Thị Lệ Th, buộc ông H và bà Th có nghĩa vụ trả cho bà B số tiền gốc là 99.600.000 (chín mươi chín triệu sáu trăm ngàn) đồng.

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, về án phí: Buộc ông Bùi Thanh H và bà Nguyễn Thị Lệ Th phải chịu số tiền 4.980.000 (bốn triệu chín trăm tám mươi ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Bà Nguyễn Thị B không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà B số tiền 2.490.000 (hai triệu bốn trăm chín mươi ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002908 ngày 30 tháng 8 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

Căn cứ vào các Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, về trách nhiệm do chậm nộp các khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách mà pháp luật có quy

định nghĩa vụ trả lãi: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi và trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi: Được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ vào các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- VKSND huyện M;
- CC.THADS huyện M;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh L